

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG ĐỒNG THÁP**



**GIÁO TRÌNH**

**MÔN HỌC: LUẬT THỦY SẢN**

**NGÀNH, NGHỀ: PHÒNG VÀ CHỮA BỆNH THỦY SẢN**

**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số: .../QĐ-CD-ĐT ngày... tháng... năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)*

**Đồng Tháp, năm 2018**

## **TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

## LỜI GIỚI THIỆU

*Giáo trình môn học LUẬT THỦY SẢN sẽ trình bày từ tổng quan về sự cần thiết về hoàn cảnh ra đời của Luật thủy sản. Giới thiệu cho sinh viên biết được nội dung các quy định về Luật thủy sản hiện hành. Quy định về các lĩnh vực bảo tồn và tái tạo nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và quy định về hoạt động kiểm ngư. Đồng thời giúp sinh viên nắm rõ kiến thức và kỹ năng về vận dụng các quy định Luật thủy sản trong hoạt động ngành nghề có liên quan đến lĩnh vực thủy sản.*

*Đồng thời, môn học cũng sẽ giới thiệu các văn bản pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực thủy sản như Luật thú y, Luật đất đai, Luật tài nguyên và môi trường, các Thông tư hướng dẫn thi hành luật và xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy sản. Từ đó, sinh viên có thể tham gia các hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản.*

*Giáo trình này được xây dựng trên cơ sở dựa vào những văn bản pháp luật, những nghiên cứu đã công bố, tài liệu, giáo trình của quý đồng nghiệp từ các Trường, các Viện nghiên cứu trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, các cơ quan quản lý... Trong nội dung của giáo trình nếu có gì sai sót tác giả rất vui lòng tiếp nhận các ý kiến đóng góp cho nội dung giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn nhằm bổ sung vào nguồn tài liệu nghiên cứu, học tập cho sinh viên và những người có quan tâm đến ngành thủy sản.*

*Tác giả xin chân thành cảm ơn!*

*Đồng Tháp, ngày 04 tháng 06 năm 2018*

*Chủ biên: **ThS. NGUYỄN KIM KHA***

## MỤC LỤC

|                                                                                                    |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| LỜI GIỚI THIỆU .....                                                                               | ii |
| CHƯƠNG 1: NGUỒN GỐC VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA LUẬT THỦY SẢN .....                                           | 1  |
| 1. Sự cần thiết ra đời Luật Thủy Sản .....                                                         | 1  |
| 2. Quan điểm và tư tưởng ban hành Luật Thủy sản.....                                               | 2  |
| 3. Bố cục Luật Thủy sản .....                                                                      | 4  |
| CHƯƠNG 2: LUẬT THỦY SẢN VIỆT NAM NĂM 2017.....                                                     | 5  |
| 1.Những quy định chung.....                                                                        | 5  |
| 1.1.Phạm vi điều chỉnh.....                                                                        | 5  |
| 1.2.Đối tượng áp dụng .....                                                                        | 5  |
| 1.3.Giải thích từ ngữ .....                                                                        | 5  |
| 1.4.Sở hữu nguồn lợi thủy sản .....                                                                | 8  |
| 1.5.Nguyên tắc hoạt động thủy sản.....                                                             | 8  |
| 1.6.Chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản .....                                         | 9  |
| 1.7.Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thủy sản.....                                        | 10 |
| 1.8.Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thủy sản .....                                                  | 11 |
| 1.9.Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản .....                                                       | 12 |
| 1.10. Đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản .....                                           | 12 |
| 2. Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản .....                                                   | 13 |
| 2.1.Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản .....                                         | 13 |
| 2.2.Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài<br>thủy sản .....            | 14 |
| 2.3.Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.....                                                                 | 14 |
| 2.4.Tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy<br>sản.....               | 14 |
| 2.5.Khu bảo tồn biển .....                                                                         | 15 |
| 2.6.Thành lập khu bảo tồn biển.....                                                                | 16 |
| 2.7.Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản .....                                                            | 16 |
| 2.8.Quản lý nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc<br>dụng, rừng phòng hộ ..... | 16 |
| 2.9.Quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn đất ngập nước.....                                | 16 |
| 2.10.Nguồn tài chính bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản .....                                 | 16 |
| 3. Khai thác thủy sản .....                                                                        | 16 |
| 3.1. Quy định về khai thác thủy sản trong nội địa và trong<br>vùng biển Việt Nam .....             | 16 |
| 3.2. Khai thác thủy sản ngoài vùng biển Việt Nam .....                                             | 17 |
| 3.3. Quy định hoạt động thủy sản của tàu nước ngoài trong<br>vùng biển Việt Nam .....              | 17 |
| 3.4. Khai thác thủy sản bất hợp pháp .....                                                         | 17 |
| 4. Nuôi trồng thủy sản .....                                                                       | 17 |
| 4.1. Giống thủy sản .....                                                                          | 18 |
| 4.2. Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường<br>nuôi trồng thủy sản.....                       | 19 |

|                                                                                                                           |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 4.3. Nuôi trồng thủy sản.....                                                                                             | 20        |
| 4.4. Giao, cho thuê, thu hồi đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản .....                                               | 21        |
| 5. Tàu cá và cơ sở dịch vụ hoạt động thủy sản .....                                                                       | 21        |
| 5.1. Quy định về việc quản lý tàu cá, tàu công vụ thủy sản .....                                                          | 21        |
| 5.2. Quy định đối với cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.....                                                  | 21        |
| 6. Chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản.....                                                                  | 22        |
| 7. Hợp tác quốc tế về hoạt động thủy sản .....                                                                            | 22        |
| 8. Quản lý Nhà nước về thủy sản .....                                                                                     | 22        |
| 9. Khen thưởng và xử lý vi phạm.....                                                                                      | 23        |
| 10. Điều khoản thi hành .....                                                                                             | 23        |
| 10.1 Hiệu lực thi hành.....                                                                                               | 23        |
| 10.2. Quy định chuyển tiếp .....                                                                                          | 24        |
| <b>CHƯƠNG 3: HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT</b>                                                                  |           |
| <b>THỦY SẢN.....</b>                                                                                                      | <b>25</b> |
| 1. Phạm vi điều chỉnh.....                                                                                                | 25        |
| 2. Khu bảo tồn biển và các quy định về khu bảo tồn biển .....                                                             | 25        |
| 2.1. Khu bảo tồn biển .....                                                                                               | 25        |
| 2.2. Các quy định về khu bảo tồn biển.....                                                                                | 26        |
| 2.3. Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý khu bảo tồn biển .....                                                          | 26        |
| 2.4. Quyền của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến<br>khu bảo tồn biển .....                                      | 28        |
| 2.5. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến<br>khu bảo tồn biển .....                                   | 28        |
| 2.6. Nguồn tài chính của khu bảo tồn biển .....                                                                           | 29        |
| 2.7. Quản lý, sử dụng tài chính của khu bảo tồn biển.....                                                                 | 30        |
| 3. Khu bảo tồn vùng nước nội địa.....                                                                                     | 30        |
| 4. Giao, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản .....                                                              | 31        |
| 4.1. Giao, cho thuê mặt nước biển .....                                                                                   | 31        |
| 4.2. Thẩm quyền giao khu vực biển không thu tiền sử dụng để nuôi trồng<br>thủy sản .....                                  | 32        |
| 4.3. Thẩm quyền giao khu vực biển có thu tiền sử dụng để<br>nuôi trồng thủy sản.....                                      | 32        |
| 4.4. Thời hạn .....                                                                                                       | 32        |
| 4.5. Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được<br>sửa đổi, bổ sung.....                                    | 33        |
| 5. Giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản.....                                                                         | 33        |
| <b>CHƯƠNG 4: MỐI QUAN HỆ GIỮA LUẬT THỦY SẢN VỚI CÁC</b>                                                                   |           |
| <b>VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC .....</b>                                                                                       | <b>34</b> |
| 1. Phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật.....                                                               | 34        |
| 1.1. Nội dung phòng, chống dịch bệnh động vật .....                                                                       | 34        |
| 1.2. Phòng bệnh động vật.....                                                                                             | 34        |
| 1.3. Giám sát dịch bệnh động vật.....                                                                                     | 35        |
| 1.5. Khống chế, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm<br>ở động vật, bệnh truyền lây giữa động vật và người ..... | 36        |
| 1.6. Khai báo, chẩn đoán, điều tra dịch bệnh động vật.....                                                                | 36        |

|                                                                                                                    |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.7. Chữa bệnh động vật .....                                                                                      | 37 |
| 2. Phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản.....                                                                    | 37 |
| 3. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y<br>thủy sản .....                                 | 38 |
| 4. Quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa .....                                                  | 38 |
| 4.1. Quy định chung về quản lý thuốc thú y – thủy sản.....                                                         | 38 |
| 4.2. Thuốc thú y không được đăng ký lưu hành .....                                                                 | 38 |
| 4.3. Đăng ký lưu hành thuốc thú y .....                                                                            | 39 |
| 4.5. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất thuốc thú y .....                                                        | 40 |
| 4.6. Điều kiện buôn bán thuốc thú y .....                                                                          | 41 |
| 4.7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y .....                                             | 41 |
| 4.8. Điều kiện nhập khẩu thuốc thú y .....                                                                         | 41 |
| 4.9. Luật thú y còn quy định những nội dung sau.....                                                               | 42 |
| <b>CHƯƠNG 5: MỘT SỐ NGHỊ ĐỊNH VÀ THÔNG TƯ LIÊN QUAN</b>                                                            |    |
| <b>ĐỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG THỦY</b>                                                          |    |
| <b>SẢN</b> .....                                                                                                   | 43 |
| 1. Những quy định chung.....                                                                                       | 3  |
| 1.1. Nghị định 26/2019/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số điều<br>và biện pháp thi hành luật thủy sản.....          | 43 |
| 1.2. Nghị định 42/2019/NĐ-CP về Quy định xử phạt vi phạm<br>hành chính trong lĩnh vực thủy sản.....                | 44 |
| 2. Hướng dẫn Nghị định 26/2019/NĐ-CP về Quy định chi tiết<br>một số điều và biện pháp thi hành luật thủy sản ..... | 44 |
| 2.1. Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.....                                                                  | 44 |
| 2.2. Nuôi trồng thủy sản.....                                                                                      | 45 |
| 2.3. Khai thác thủy sản.....                                                                                       | 46 |
| 2.4. Quy định quản lý tàu cá, tàu công vụ, cảng cá, khu neo đậu<br>tránh trú bão cho tàu cá về .....               | 46 |
| 2.5. Quy định kiểm ngư.....                                                                                        | 47 |
| 2.6. Quy định về mua, bán, sơ chế, chế biến, xuất khẩu,<br>nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản .....             | 47 |
| 2.7. Quản lý nhà nước về thủy sản.....                                                                             | 47 |
| 3. Các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và mức xử phạt .....                                                     | 47 |
| 4. Phân định thẩm quyền xử phạt trong vi phạm hành chính<br>lĩnh vực thủy sản .....                                | 50 |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....                                                                                    | 51 |

# GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: LUẬT THỦY SẢN**

**Mã môn học: CNN582**

**Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:**

- Vị trí: Là môn học tự chọn của ngành Nuôi trồng thủy sản để trang bị cho học sinh sinh viên các kiến thức cơ bản về Luật thủy sản năm 2017; những Nghị định; Thông tư hướng dẫn thi hành Luật thủy sản

- Tính chất: Là môn học lý thuyết tự chọn của Ngành Nuôi trồng thủy sản

- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng được những quy định của Luật thủy sản, những Nghị định, Thông tư hướng dẫn những vấn đề có liên quan đến các hoạt động nuôi trồng thủy sản, đánh bắt, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các hoạt động liên quan đến quản lý về con giống, thuốc thú y thủy sản, xuất nhập khẩu các mặt hàng liên quan đến thủy sản...

**Mục tiêu của môn học:**

– **Về kiến thức:** Nhận thức các kiến thức cơ bản về vấn đề liên quan đến sự ra đời Luật thủy sản, những qui định chung, những điều khoản liên quan đến luật thủy sản, những điều hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thủy sản, pháp lệnh thú y và những Nghị định, Thông tư liên quan Luật thủy sản.

– **Về kỹ năng:**

+ Giải thích, vận dụng được kiến thức về Luật thủy sản, những qui định hiện hành có liên quan đến ngành thủy sản.

+ Thuyết trình, trao đổi, làm việc nhóm và kỹ năng học tập suốt đời.

– **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có thái độ và ý thức học tập với tinh thần cầu tiến; hoàn thành đúng tiến độ bài tập được giao.

**Nội dung của môn học:**

| Số TT | Tên chương mục                                            | Thời gian |           |                                           |                               |
|-------|-----------------------------------------------------------|-----------|-----------|-------------------------------------------|-------------------------------|
|       |                                                           | Tổng số   | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập | Thi/Kiểm tra (định kỳ)/Ôn Thi |
| 1     | <b>Chương 1: Nguồn gốc và sự ra đời của Luật thủy sản</b> | 4         | 4         | 0                                         | 0                             |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |   |   |   |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|
|   | 1. Sự cần thiết ra đời Luật Thủy Sản;<br>2. Quan điểm và tư tưởng ban hành Luật Thủy sản;<br>3. Bộ cục Luật Thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |   |   |   |   |
| 2 | <b>Chương 2: Luật thủy sản Việt Nam năm 2017</b><br>1. Những quy định chung<br>2. Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản<br>3. Khai thác thủy sản<br>4. Nuôi trồng thủy sản<br>5. Tàu cá và cơ sở dịch vụ hoạt động thủy sản<br>6. Chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản<br>7. Hợp tác quốc tế về hoạt động thủy sản<br>8. Quản lý Nhà nước về thủy sản<br>9. Khen thưởng và xử lý vi phạm<br>10. Điều khoản thi hành. | 4 | 4 | 0 | 0 |
| 3 | <b>Chương 3: Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thủy sản</b><br>1. Phạm vi điều chỉnh<br>2. Khu bảo tồn biển và các quy định về khu bảo tồn biển<br>3. Khu bảo tồn vùng nước nội địa<br>4. Giao, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản<br>5. Giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản.                                                                                                                               | 5 | 5 | 0 | 0 |
| 4 | <b>Chương 4: Mối quan hệ giữa Luật thủy sản với các văn bản pháp luật khác</b><br>1. Phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật;<br>2. Phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản;<br>3. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y thủy sản;<br>4. Quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa                                                                                              | 7 | 7 | 0 | 0 |
|   | <b>Kiểm tra</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1 | 0 | 0 | 1 |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |           |          |          |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------|----------|
| 5 | <b>Chương 5: Một số Nghị định và thông tư liên quan để xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản</b><br>1. Những quy định chung<br>2. Hướng dẫn Nghị định 26/2019/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thủy sản<br>3. Các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và mức xử phạt<br>4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản | 7         | 7         | 0        | 0        |
|   | <b>Ôn thi kết thúc học phần</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1         | 0         | 0        | 1        |
|   | <b>Thi kết thúc học phần</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1         | 0         | 0        | 1        |
|   | <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>30</b> | <b>27</b> | <b>0</b> | <b>3</b> |

# CHƯƠNG 1

## NGUỒN GỐC VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA LUẬT THỦY SẢN

### MH30 - 01

Giới thiệu: Nội dung chương giới thiệu về nguồn gốc và sự cần thiết ra đời của luật thủy sản trong bối cảnh ngành thủy sản ngày càng phát triển mạnh, góp phần rất lớn và tổng thu nhập bình quân đầu người (GDP), nhằm làm công cụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản.

#### Mục tiêu:

– **Về kiến thức:** Nắm vững các khái niệm, phương pháp nghiên cứu về Luật thủy sản

– **Về kỹ năng:**

+ Giải thích, vận dụng được kiến thức về Luật thủy sản, vai trò và ứng dụng Luật thủy sản trong quản lý ngành thủy sản.

+ Thuyết trình, trao đổi, làm việc nhóm và kỹ năng học tập suốt đời

– **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có thái độ và ý thức học tập với tinh thần cầu tiến; hoàn thành đúng tiến độ bài tập được giao.

### 1. Sự cần thiết ra đời Luật Thủy Sản

Luật Thủy sản được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2004, về cơ bản đã tạo hành lang pháp lý quan trọng để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực thủy sản. Nhờ đó, ngành thủy sản đã dần chuyển dịch từ nghề cá nhân dân sang nghề cá thương mại. Trong những năm qua, đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, đóng góp lớn vào tăng trưởng ngành nông nghiệp, cũng như nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu của nông sản Việt Nam (xuất khẩu thủy sản từ 2,2 tỷ USD năm 2003 tăng lên 7,16 tỷ USD năm 2016).

Tuy nhiên, sau 13 năm triển khai thực hiện Luật Thủy sản 2003 đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập, đó là: một số quy định chưa theo kịp với sự phát triển nhanh của ngành Thủy sản Việt Nam như: Quy định về điều tra nghiên cứu nguồn lợi thủy sản; cấp phép khai thác thủy sản, khái niệm về tàu cá và tiêu chí quản lý tàu cá quản lý giấy phép khai thác thủy sản...; một số nội dung chưa được quy định trong Luật như: Quy định về điều kiện đối với nuôi trồng thủy sản không dùng làm thực phẩm; quản lý điều kiện sản xuất, kinh doanh chất xử lý, cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản, quy định về Kiểm ngư...

Thêm nữa, một số quy định chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác cải cách hành chính của Chính phủ như: Tăng cường xã hội hóa các dịch vụ công, đơn giản hóa thủ tục hành chính, phân cấp mạnh cho địa phương...

Một số quy định không còn phù hợp với các luật mới có liên quan đến lĩnh vực thủy sản được Quốc hội thông qua (Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai..); một số quy định chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế như: Quy định về truy xuất nguồn gốc thủy sản, quy định về chống đánh bắt bất hợp pháp, quy định về biện pháp của quốc gia có cảng....

Bên cạnh đó, sự phát triển ngành thủy sản chưa bền vững; năng lực, kinh nghiệm quản lý và đầu tư trang thiết bị phục vụ cho kiểm tra, kiểm soát các hoạt động thủy sản còn hạn chế; biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường; nguồn lợi thủy sản đang có dấu hiệu suy giảm, môi trường sống của các loài thủy sản có nguy cơ bị ô nhiễm; xu hướng gia tăng bảo hộ mậu dịch, hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu... là những thách thức lớn đối với ngành thủy sản cần phải giải quyết.

Chính vì vậy, để khắc phục được các nguyên nhân hạn chế nêu trên; đồng thời, nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung và phát triển thủy sản nói riêng và Luật thủy sản năm 2017 ra đời nhằm chỉnh sửa và bổ sung một số điều của Luật thủy sản 2003 để phù hợp với xu thế phát triển của ngành thủy sản nước ta hiện nay.

## **2. Quan điểm và tư tưởng ban hành Luật Thủy sản**

Luật Thủy sản 2017 có nhiều điểm mới so với Luật Thủy sản 2003 với 9 chương, 105 điều, Luật sửa đổi đã giảm 1 chương và tăng 43 điều so với Luật Thủy sản 2003.

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019, những điểm mới được đưa vào Luật lần này gồm: Quy định về đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Điều 10). Theo đó, người dân, hội, hiệp hội... tham gia cùng với chính quyền cơ sở quản lý hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của người dân trong hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản, từng bước thực hiện chủ trương xã hội hóa, tăng cường vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong quản lý hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản, là giải pháp hữu hiệu giảm xung đột lợi ích trong cộng đồng và góp phần phát triển bền vững.

Luật mới bổ sung quy định về quy hoạch về bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản (Điều 11 và 12). Trong đó, Luật đã làm rõ: Căn cứ lập quy hoạch; nội dung quy hoạch; việc lập, phê duyệt, điều chỉnh, công bố quy hoạch; Mục đích điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản... Định kỳ 5 năm thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản để bảo vệ và khai thác có hiệu quả, bền vững nguồn lợi thủy sản.

Ngoài ra, Luật mới còn bổ sung quy định về Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tại Điều 21 và khuyến khích thành lập Quỹ cộng đồng (Điều 22).

Về nuôi trồng thủy sản, được quy định tại Chương III, từ Điều 23 đến Điều 47. Luật đã quy định chi tiết hơn và không bỏ sót các đối tượng nuôi, hình thức nuôi và mục đích của việc nuôi trồng thủy sản...

Về cấp phép khai thác thủy sản (Điều 49), Luật quy định về hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản, sản lượng khai cho phép khai thác và đánh giá nguồn lợi thủy sản cho các địa phương.

Việc phân cấp triệt để cho các tỉnh, địa phương quản lý và cấp phép, cấp hạn ngạch cho các tàu cá là điểm tiến bộ và rõ ràng hơn so với Luật năm 2003. Trên cơ sở các thông báo về điều tra của các địa phương sẽ điều chỉnh sản lượng tối đa cho phép khai thác từ vùng lộng trở vào. Còn vùng khơi nhà nước sẽ cân chỉnh. Đồng thời, UBND cấp tỉnh xác định hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản và sản lượng cho phép khai thác theo loài tại vùng ven bờ và vùng lộng thuộc phạm vi quản lý.

Thông qua quản lý theo hạn ngạch nhằm kiểm soát cường lực khai thác, quản lý phát triển tàu cá bền vững. Quy định về Quản lý tàu cá và quy định về xã hội hóa đăng kiểm tàu cá cũng được quy định chi tiết trong Luật lần này. Luật Thủy sản 2017 đã luật hóa các nội dung liên quan đến chống đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) trong đó có khuyến nghị của EC. Nội dung này được quy định rải rác trong các Điều và các chương của Luật.

Cụ thể, các khuyến nghị đó được thể hiện trong các nội dung sau: Quy định số lượng và phân bổ hạn ngạch giấy phép khai thác của tàu theo nghề trên các vùng biển và phân cấp cho địa phương để cấp phép cho từng tàu cá; quy định nội dung quản lý đầu ra theo hạn ngạch các loài di cư và các loài có tính kết đàn. Về quy định các hành vi khai thác IUU và chế tài nghiêm khắc với chủ tàu, thuyền trưởng vi phạm, mức xử phạt cao nhất đối với cá nhân lên đến 1 tỷ đồng.

Chương VII Luật này quy định cụ thể về thu mua, sơ chế thủy sản; chế biến thủy sản; bảo quản nguyên liệu thủy sản, sản phẩm thủy sản; xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu thủy sản và sản phẩm hàng hoá thủy sản; chợ đầu giá thủy sản và quản lý chất lượng an toàn thực phẩm thủy sản. *Luật năm 2017 bổ sung quy định về sơ chế, thu gom thủy sản, cụ thể như sau:* Sắp xếp lại thứ tự các điều luật theo chuỗi sản xuất từ thu mua, sơ chế đến chế biến, bảo quản, xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu thủy sản và sản phẩm thủy sản, chợ đầu giá thủy sản và quản lý an toàn thực phẩm thủy sản. Bổ sung quy định mới về mua, bán, sơ chế, chế biến thủy sản, sản phẩm thủy sản (Điều 96)...

### **3. Bộ cục Luật Thủy sản**

Như đã đề cập ở trên Luật Thủy sản 2017 có nhiều điểm mới so với Luật Thủy sản 2003 với 9 chương, 105 điều.

- Chương I: Những quy định chung (gồm có 10 Điều)
- Chương II: Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản (gồm có 12 Điều)
- Chương III: Nuôi trồng thủy sản
  - + Mục 1: Giống thủy sản (gồm có 8 Điều)
  - + Mục 2: Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (gồm có 7 Điều)
  - + Mục 3: Nuôi trồng thủy sản (gồm có 5 Điều)
  - + Mục 4: Giao, cho thuê, thu hồi đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản (gồm có 5 Điều)
- Chương IV: Khai thác thủy sản
  - Mục 1: Khai thác thủy sản trong nội địa và trong vùng biển Việt Nam (gồm có 5 Điều)
  - Mục 2: Khai thác thủy sản ngoài vùng biển Việt Nam (gồm có 2 Điều)
  - Mục 3: Hoạt động thủy sản của tàu biển nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam (gồm có 5 Điều)
  - Mục 4: Khai thác thủy sản bất hợp pháp (gồm có 2 Điều)
- Chương V: Quản lý tàu cá, tàu công vụ thủy sản, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (gồm có 15 Điều)
  - Mục 1: Quản lý tàu cá, tàu công vụ thủy sản (gồm có 15 Điều)
  - Mục 2: Cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (gồm có 10 Điều)
- Chương VI: Kiểm ngư (gồm có 9 Điều)
- Chương VII: Mua, bán, sơ chế, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản (gồm có 5 Điều)
- Chương VIII: Quản lý nhà nước về thủy sản (gồm có 3 Điều)
- Chương IX: Điều khoản thi hành (gồm 2 Điều)

**Câu hỏi ôn tập:** Vì sao cần thiết phải ra đời của luật thủy sản?

## CHƯƠNG 2

### LUẬT THỦY SẢN VIỆT NAM NĂM 2017

**MH30 - 02**

**Giới thiệu:** Luật thủy sản 2017 ra đời để thay thế Luật thủy sản 2003 với những điều, khoản bổ sung chỉnh sửa mới, bao gồm có 09 Chương và 105 Điều được quy định nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về pháp luật trong lĩnh vực thủy sản trong bối cảnh cả ngành nuôi trồng và đánh bắt thủy sản ngày càng phát triển.

**Mục tiêu:**

– **Về kiến thức:** kiến thức cơ bản về vấn đề liên quan đến sự ra đời Luật thủy sản, những quy định chung, những điều khoản liên quan đến luật thủy sản, những điều hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thủy sản

– **Về kỹ năng:**

+ Giải thích, vận dụng được kiến thức về Luật thủy sản có liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ thủy sản.

+ Thuyết trình, trao đổi, làm việc nhóm và kỹ năng học tập và làm việc nhóm.

– **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có thái độ và ý thức học tập với tinh thần cầu tiến; hoàn thành đúng tiến độ bài tập được giao.

## **1. Những quy định chung**

Những quy định chung của Luật thủy sản 2017 gồm có 1 Chương, 10 Điều.

### **1.1 Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về hoạt động thủy sản; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động thủy sản hoặc có liên quan đến hoạt động thủy sản; quản lý nhà nước về thủy sản.

### **1.2 Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động thủy sản hoặc có liên quan đến hoạt động thủy sản trong nội địa, đảo, quần đảo và vùng biển Việt Nam; tổ chức, cá nhân Việt Nam khai thác thủy sản ngoài vùng biển Việt Nam.

### **1.3 Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ liên quan đến lĩnh vực được quản lý trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các hoạt động về quản lý nhà nước hay các tổ chức cá nhân có liên quan trong việc cùng tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tài nguyên sinh vật biển dưới đây bao gồm các thuật ngữ sau:

- *Hoạt động thủy sản*: là hoạt động bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; nuôi trồng thủy sản; khai thác thủy sản; chế biến, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản.

- *Nguồn lợi thủy sản*: là tài nguyên sinh vật trong vùng nước tự nhiên có giá trị kinh tế, khoa học, du lịch, giải trí.

- *Tái tạo nguồn lợi thủy sản*: là quá trình tự phục hồi hoặc hoạt động phục hồi, gia tăng nguồn lợi thủy sản.

- *Đồng quản lý*: là phương thức quản lý, trong đó Nhà nước chia sẻ quyền hạn, trách nhiệm với tổ chức cộng đồng tham gia quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- *Tổ chức cộng đồng tham gia đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản (sau đây gọi là tổ chức cộng đồng)*: là tổ chức do các thành viên tự nguyện tham gia, cùng nhau quản lý, chia sẻ lợi ích, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực địa lý xác định, có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận và giao quyền tham gia đồng quản lý.

- *Khu bảo tồn biển*: là loại hình khu bảo tồn thiên nhiên, được xác lập ranh giới trên biển, đảo, quần đảo, ven biển để bảo vệ đa dạng sinh học biển.

- *Loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm*: là loài thủy sản có phần lớn hay cả vòng đời sống trong môi trường nước, có giá trị đặc biệt về kinh tế, khoa học, y tế, sinh thái, cảnh quan và môi trường, số lượng còn ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.

- *Loài thủy sản bản địa* là loài thủy sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường tự nhiên ở khu vực địa lý xác định.

- *Giống thủy sản*: là loài động vật thủy sản, rong, tảo dùng để sản xuất giống, làm giống cho nuôi trồng thủy sản, bao gồm bố mẹ, trứng, tinh, phôi, ấu trùng, mảnh cơ thể, bào tử và con giống.

- *Giống thủy sản thuần chủng*: là giống thủy sản có tính ổn định về di truyền và năng suất, giống nhau về kiểu gen, kiểu hình.

- *Ương dưỡng giống thủy sản*: là việc nuôi ấu trùng thủy sản qua các giai đoạn phát triển, hoàn thiện thành con giống.

- *Khảo nghiệm giống thủy sản*: là việc chăm sóc, nuôi dưỡng, theo dõi giống thủy sản trong điều kiện và thời gian nhất định nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh và đánh giá tác hại của giống đưa vào khảo nghiệm.

- *Kiểm định giống thủy sản*: là việc kiểm tra, đánh giá lại năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh, đặc tính của giống thủy sản.

- *Thức ăn thủy sản*: là sản phẩm cung cấp dinh dưỡng, thành phần có lợi cho sự phát triển của động vật thủy sản, bao gồm thức ăn hỗn hợp, chất bổ sung, thức ăn tươi sống và nguyên liệu.

- *Chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi là sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)*: là sản phẩm để điều chỉnh tính chất vật lý, hóa học, sinh học của môi trường theo hướng có lợi cho nuôi trồng thủy sản.

- *Khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản*: là quá trình kiểm tra, đánh giá, xác định đặc tính, công dụng, tác động của thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đến môi trường nuôi, an toàn thực phẩm thủy sản nuôi.

- *Khu vực biển để nuôi trồng thủy sản*: là khu vực biển bao gồm khối nước, đáy biển; có ranh giới xác định tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm trở ra để nuôi trồng thủy sản.

- *Khai thác thủy sản*: là hoạt động đánh bắt hoặc hoạt động hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

- *Hoạt động hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản*: là hoạt động thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ, vận chuyển nguồn lợi thủy sản đánh bắt trong vùng nước tự nhiên.

- *Tàu cá*: là phương tiện thủy có lắp động cơ hoặc không lắp động cơ, bao gồm tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản, tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

- *Tàu công vụ thủy sản*: là phương tiện thủy chuyên dụng để thực hiện công vụ trong điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản; thanh tra, tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động thủy sản.

- *Thuyền viên*: là thuyền trưởng, máy trưởng, người có chức danh theo quy định được bố trí làm việc trên tàu cá và tàu công vụ thủy sản.

- *Người làm việc trên tàu*: là người được chủ tàu, thuyền trưởng bố trí làm việc trên tàu cá, tàu công vụ thủy sản nhưng không phải là thuyền viên của tàu.

- *Cảng cá*: là cảng chuyên dụng cho tàu cá, bao gồm vùng đất cảng cá và vùng nước cảng cá.

- *Vùng đất cảng cá*: là khu vực được giới hạn để xây dựng cầu cảng, kho, bãi, nhà xưởng, trụ sở, cơ sở dịch vụ, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước và công trình phụ trợ khác phục vụ cho hoạt động của cảng cá.



- *Vùng nước cảng cá*: là vùng nước được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng vào cảng cá và công trình phụ trợ khác.

- *Truy xuất nguồn gốc thủy sản*: là theo dõi, nhận diện một đơn vị sản phẩm thủy sản qua từng công đoạn của quá trình khai thác, nuôi trồng, chế biến và thương mại.

- *Tạp chất*: là chất không phải thành phần tự nhiên của thủy sản.

- *Tổ chức quản lý nghề cá khu vực*: là tổ chức có trách nhiệm điều phối quản lý và thiết lập các biện pháp quản lý, bảo tồn đàn cá di cư và các loài tại vùng biển quốc tế.

#### **1.4 Sở hữu nguồn lợi thủy sản**

Nguồn lợi thủy sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Tổ chức, cá nhân có quyền khai thác nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật.

#### **1.5 Nguyên tắc hoạt động thủy sản**

- Kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Khai thác nguồn lợi thủy sản phải căn cứ vào trữ lượng nguồn lợi thủy sản, gắn với bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, không làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học; tiếp cận thận trọng, dựa vào hệ sinh thái và các chỉ số khoa học trong quản lý hoạt động thủy sản để bảo đảm phát triển bền vững.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu; chủ động phòng, chống thiên tai; bảo đảm an toàn cho người và phương tiện hoạt động thủy sản; phòng, chống dịch bệnh thủy sản, bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm chia sẻ lợi ích, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc hưởng lợi từ khai thác, sử dụng nguồn lợi thủy sản hoặc hoạt động trong ngành, nghề có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn lợi thủy sản.

- Đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

#### **1.6 Chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản**

##### ***a. Nhà nước có chính sách đầu tư cho các hoạt động***

- Nghiên cứu, điều tra, đánh giá, bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi hệ sinh thái thủy sinh; lưu giữ giống gốc của loài thủy sản bản địa, đặc hữu có giá trị kinh tế, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;

- Xây dựng cảng cá loại I, loại II, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; hạng mục hạ tầng thiết yếu của khu bảo tồn biển; hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng sản xuất giống thủy sản tập trung;

- Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động của tàu cá trên biển; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản; hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường, dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

***b. Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách, Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau đây:***

- Phát triển khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong lĩnh vực tạo giống thủy sản; sản xuất sản phẩm thủy sản quốc gia, sản phẩm thủy sản chủ lực; sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; công nghệ chế biến phụ phẩm thành thực phẩm hoặc làm nguyên liệu cho ngành kinh tế khác

- Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề trong hoạt động thủy sản

- Thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- Xây dựng trung tâm nghề cá lớn

- Mua bảo hiểm nuôi trồng thủy sản trên biển và hải đảo; bảo hiểm thuyền viên; bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị cho tàu cá khai thác thủy sản trên biển từ vùng khơi trở ra

- Phát triển hoạt động thủy sản từ vùng khơi trở ra; khôi phục sản xuất khi có sự cố môi trường, thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ ngư dân trong thời gian cấm khai thác thủy sản, chuyển đổi nghề nhằm giảm cường lực khai thác thủy sản ven bờ

- Xây dựng thương hiệu sản phẩm quốc gia, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

- Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho hoạt động sau đây:

- + Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, mô hình liên kết, hợp tác

- + Đầu tư công nghệ tiên tiến trong chế biến thủy sản để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch; xây dựng chợ đầu mối thủy sản, quảng bá thương hiệu sản phẩm thủy sản

- + Đầu tư nuôi trồng thủy sản trên biển; nuôi trồng thủy sản hữu cơ

- + Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất, kinh doanh thủy sản; truy xuất nguồn gốc thủy sản.

**1.7 Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thủy sản**

- Hủy hoại nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh, khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống, nơi cư trú của các loài thủy sản.

- Cản trở trái phép đường di cư tự nhiên của loài thủy sản.

- Lấn, chiếm, gây hại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu bảo tồn biển.

- Khai thác, nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình và hoạt động khác ảnh hưởng đến môi trường sống, nguồn lợi thủy sản trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn biển.

- Tàu cá, tàu biển và phương tiện thủy khác hoạt động trái phép trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn biển, trừ trường hợp bất khả kháng.

- Khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (sau đây gọi là khai thác thủy sản bất hợp pháp); mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sơ chế, chế biến thủy sản từ khai thác thủy sản bất hợp pháp, thủy sản có tạp chất nhằm mục đích gian lận thương mại.

- Sử dụng chất, hóa chất cấm, chất độc, chất nổ, xung điện, dòng điện, phương pháp, phương tiện, ngư cụ khai thác có tính hủy diệt, tận diệt để khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Sử dụng ngư cụ làm cản trở hoặc gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân đang khai thác; thả neo, đậu tàu tại nơi có ngư cụ của tổ chức, cá nhân đang khai thác hoặc nơi tàu cá khác đang khai thác, trừ trường hợp bất khả kháng.

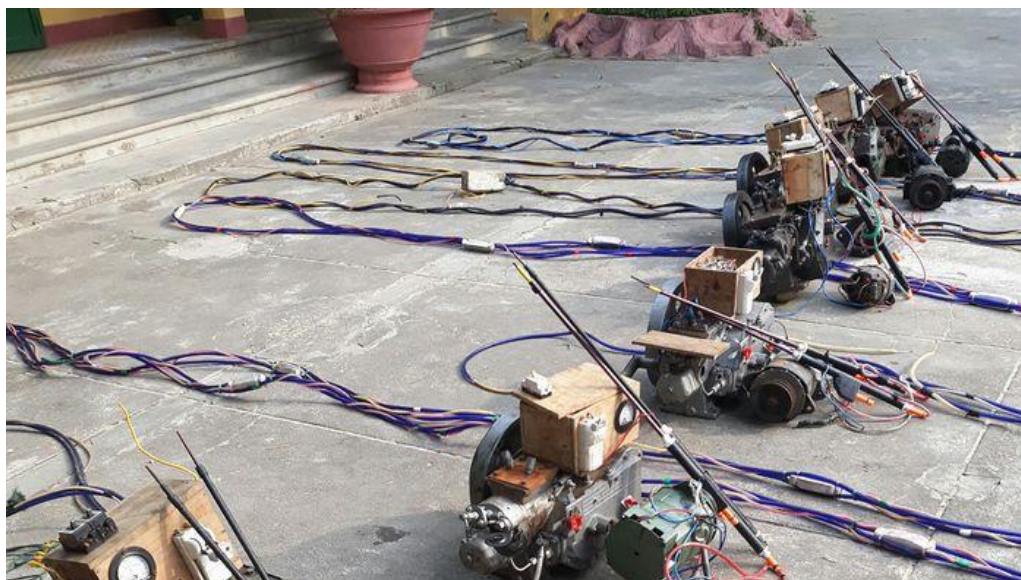
- Vứt bỏ ngư cụ xuống vùng nước tự nhiên, trừ trường hợp bất khả kháng.

- Đưa tạp chất vào thủy sản nhằm mục đích gian lận thương mại.

- Sử dụng kháng sinh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản; hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; sử dụng giống thủy sản nằm ngoài Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nuôi trồng thủy sản.

- Phá hủy, tháo dỡ gây hư hại, lấn chiếm phạm vi công trình của cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; xả chất thải không đúng nơi quy định trong khu vực cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

- Lợi dụng việc điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác; cung cấp, khai thác thông tin, sử dụng thông tin dữ liệu về nguồn lợi thủy sản trái quy định của pháp luật.



**Hình 2.1: Dụng cụ đánh bắt thủy sản trái phép**

### **1.8 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thủy sản**

- Ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực thủy sản.
- Hỗ trợ, đầu tư nguồn lực trong lĩnh vực thủy sản.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ; trao đổi thông tin, thương mại, kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy sản.
- Bảo tồn và quản lý tài nguyên sinh vật trong vùng biển quốc tế, loài cá di cư theo quy định của tổ chức nghề cá khu vực và Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982.
- Phối hợp kiểm tra, xử lý hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

### **1.9 Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản**

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản được xây dựng thống nhất từ trung ương đến địa phương; được chuẩn hóa để cập nhật, khai thác và quản lý bằng công nghệ thông tin.
- Tổ chức, cá nhân cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản theo quy định của pháp luật.
- Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định việc cập nhật khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

### **1. 10. Đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản**